TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 3324/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24/7/2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Lưu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Thanh Tâm

2. Bà Đinh Thị Diễm Kiều

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Ngọc Hoa, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Võ Cao Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 2271/2023/TLST-HNGĐ ngày 05/10/2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3689/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4719/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28/6/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị H, sinh năm 2000

Căn cước công dân số: A

Địa chỉ thường trú: thôn M, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh;

Địa chỉ tạm trú: số A đường số D, khu phố C, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Phạm Hữu T, sinh năm 1994

Căn cước công dân số: B

Địa chỉ thường trú: thôn N, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định;

Địa chỉ tạm trú: số A đường số D, khu phố C, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 22/06/2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phan Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Hữu T tự nguyện kết hôn vào năm 2020, có tổ chức hỏi cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 27/2020 ngày 30/7/2020.

Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc bình thường, đến khoảng cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T bắt đầu mê đánh bạc bằng hình thức chơi tiền ảo trên mạng gây nợ liên tục từ đó vợ chồng thường xuyên cải vả, không còn tiếng nói chung, thiếu sự quan tâm chăm sóc nhau, lâu dần cuộc sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc. Trong thời gian vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, giữa hai vợ chồng đã nhiều lần cố gắng tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Thực tế bà H và ông T đã sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay. Nay bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Hữu T.

- Về con chung: Bà H và ông T có 01 người con chung tên Phạm Hoàng Cẩm B, sinh ngày 13/11/2020. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay, con chung vẫn do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung; Trước đây trong đơn khởi kiện bà H yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại đơn xin xét xử vắng mặt, bà H thay đổi yêu cầu, bà không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà H xác định không có.

Bị đơn ông Phạm Hữu T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, đồng thời triệu tập ông T đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T vắng mặt, nên không tiến hành hòa giải được và không ghi nhận được ý kiến của ông T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên các yêu cầu, ý kiến đã trình bày; Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; tuy nhiên, vẫn còn vi phạm Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Phan Thị H được ly hôn ông Phạm Hữu T; giao con Phạm Hoàng Cẩm B, sinh ngày 13/11/2020 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Phạm Hữu T cư trú tại địa chỉ số A đường số D, khu phố C, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, nên thẩm quyền giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình này theo trình tự sơ thẩm là Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức; được pháp luật quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo thể hiện; bà Phan Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Hữu T, thì vụ án có quan hệ tranh chấp là tranh chấp về ly hôn, là loại tranh chấp được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn ông Phạm Hữu T: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh về tình trạng cư trú và tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt. Xét thấy bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa ngày 28/6/2024 nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án tiếp tục triệu tập hợp lệ bị đơn lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Vì vậy Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.4]. Tại phiên tòa nguyên đơn bà Phan Thị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 27/2020 ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Thị H và ông Phạm Hữu T là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà H xin được ly hôn là có căn cứ, bởi lẽ tình cảm của vợ chồng được xây dựng bởi tình yêu chân chính. Trong cuộc sống, vợ chồng phải chăm sóc và thương yêu lẫn nhau, nhưng thực tế cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu sống chung cũng không mang lại hạnh phúc cho các bên

đương sự. Bà H xác định giữa hai vợ chồng không còn tình cảm với nhau và hiện nay sống ly thân nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông T. Bên cạnh đó ông Phạm Hữu T đã được Tòa án triệu tập đến Tòa để hòa giải vợ chồng đoàn tụ nhưng ông T không đến đã thể hiện tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H được ly hôn với ông Phạm Hữu T theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Căn cứ lời khai của bà H phù hợp với Bản sao giấy khai sinh số 119/2020 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, đủ căn cứ xác định bà H và ông T có 01 con chung tên Phạm Hoàng Cẩm B, sinh ngày 13/11/2020. Khi ly hôn, bà H có nguyện vọng nuôi dưỡng con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Con chung là trẻ Phạm Hoàng Cẩm B hiện nay đang sinh sống với bà H, khi ly hôn con chung được giao cho ai nuôi dưỡng cũng nhằm mục đích đảm bảo điều kiện tốt nhất cho con chung phát triển thể chất, tâm sinh lý cũng như ổn định việc học tập của con chung. Để không làm ảnh hưởng đến môi trường sống của trẻ nên giao cho bà H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án bà H rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự. Nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng của bà H đối với ông T.

[2.4]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng bà H phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Khoản 1, Khoản 2 Điều 269; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị H:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị H được ly hôn với ông Phạm Hữu T.

(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27/2020 ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh).

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Hoàng Cẩm B, sinh ngày 13/11/2020 cho bà Phan Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

1.3. Đình chỉ yêu cầu của bà Phan Thị H về việc yêu cầu ông Phạm Hữu T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

1.4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng bà Phan Thị H phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2023/0004760 ngày 20/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự"./.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP . HCM;
- VKSND Tp.Thủ Đức;
- CC THADS Tp . Thủ Đức;
- Các đương sự;
- UBND xã C, huyện C;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Quốc Lưu